

CHƯƠNG THỨ NHẤT : DẪN NHẬP

Kể từ giữa thập niên 1970, xu hướng chính trị thế giới đã dần dần tách ra khỏi đạo lộ đối cực để đi vào một hệ thống đa phương. Theo nhiều tài liệu khác nhau, những trung tâm quyền lực chính trị mới của thế giới có thể gồm cả Cộng đồng Âu Châu, Liên Xô, Hoa Kỳ, Nhật Bản và Trung Hoa. Trên định nghĩa kinh tế và quân sự, Trung Hoa có lẽ kém xa hai siêu cường kia và cũng chưa mạnh như hai cường lực còn lại trong một tương lai gần. Tuy nhiên, nếu nhìn vào dân số to lớn, tài nguyên dồi dào và một diện tích địa lý vĩ đại thì không ai dám phủ nhận là nếu không có những khủng hoảng xã hội - chính trị nội tại nghiêm trọng, Trung Hoa sẽ tiến lên trở thành siêu cường thứ ba và có một ảnh hưởng mạnh mẽ trên chính trị toàn cầu và an ninh thế giới.

Thương lượng trong hòa bình vốn dĩ phổ thông trong việc giải quyết các vấn đề tranh chấp giữa các quốc gia. Thế nhưng tương quan quốc tế cũng phần lớn bị khống chế bởi các cường lực. Không vấn đề quốc tế nào liên quan đến những bất đồng lại không được hậu thuẫn bằng sức mạnh của quốc gia đứng sau các cuộc đàm phán. Quyền lực quốc gia bao gồm sức sản xuất kinh tế, kỹ thuật, tinh thần dân tộc, các điều kiện địa lý chính trị, và quân sự ... Nói gì thì nói, lực lượng quân sự luôn luôn là biểu tượng của sức mạnh quốc gia. Một quốc gia có một quân lực hùng hậu cần phải có một tư tưởng quân sự mạnh mẽ chỉ đạo các lực lượng võ trang trong tổ chức, huấn luyện cũng như lựa chọn chiến lược và chiến thuật. Không có một tư tưởng quân sự thích hợp, một lực lượng quân sự dù có vũ khí và trang bị tân tiến cũng chưa bảo đảm được sẽ thắng trận. Trái lại, nếu có một tư tưởng thích ứng hướng dẫn việc điều động các lực lượng, hiệu năng có thể lên cao và có thể đánh bại một lực lượng địch trang bị tối tân hơn nhưng thiếu tư tưởng hay chiến lược quân sự. Cho nên có thể nói rằng việc thể hiện một tư tưởng quân sự tới một mức độ nào đó phản ảnh việc phát triển kỹ thuật quân sự, và là linh hồn của quân đội. Nó có thể giúp cho quân đội hoàn thành sứ

mạng. Đó là lý do chính yếu tại sao cuốn sách này tập trung vào các tư tưởng quân sự hiện đại của Trung Hoa.

Kể từ thập niên 1950, các học giả phương Tây khi nghiên cứu về quân sự Trung Hoa đã chú trọng đặc biệt tới Nhân Dân Giải Phóng Quân (PLA), lý thuyết về chiến tranh nhân dân hay những nguyên tắc quân sự, chủ thuyết và chính sách quốc phòng của Cộng Sản Trung Hoa. Rất ít người nghiên cứu sâu hơn về các hệ thống quân sự cận đại hay lịch sử phát triển các tư tưởng quân sự hiện đại. Nghiên cứu lịch sử phát triển của các tư tưởng quân sự hiện đại Trung Hoa không chỉ liên quan đến việc hoạch định chính sách mà còn quan trọng trong việc hiểu biết Trung Hoa cận đại và các hệ thống quân sự của họ vì hệ thống hiện đại nào cũng bắt nguồn từ lịch sử. Đó là lý do tại sao nghiên cứu này bàn cả tới một phần triết học quân sự Trung Hoa thời cổ để tìm hiểu sự liên tục và ảnh hưởng tới việc phát triển tư tưởng quân sự Trung Hoa ngày nay.

1. QUYỀN LỰC CHÍNH TRỊ VÀ SỨC MẠNH QUÂN SỰ

Trước khi Tổng Thống Woodrow Wilson đề nghị thành lập Hội Quốc Liên vào năm 1920 sau Đệ Nhất Thế Chiến, không có một hệ thống quốc tế nào có thẩm quyền đưa ra qui tắc để giải quyết các xung đột giữa các quốc gia. Luật áp dụng là luật của kẻ mạnh. Kẻ nào có sức mạnh thì kẻ đó đại diện cho công lý. Vì thế, chính trị quốc tế cũng như mọi loại chính trị khác, là một cuộc tranh đấu quyền lực. Từ khi có những cơ quan quốc tế thành lập, tương quan giữa các quốc gia đã dần dần cải thiện. Nhiều xung đột quốc tế nghiêm trọng đã được giải quyết bằng đàm phán hòa bình hay thảo luận. Tuy nhiên, bản chất của các tương quan quốc tế vẫn như cũ. Hans Morgenthau đã viết "cái mục tiêu cuối cùng của chính trị quốc tế là gì chẳng nữa thì sức mạnh luôn luôn là phương tiện trước mắt ... Khi nào người ta cố gắng thực hiện mục tiêu bằng chính trị quốc tế thì lúc ấy họ sử dụng sức mạnh". Quan niệm đó vẫn tồn tại trong tâm khảm các lãnh tụ chính trị đương thời. Chẳng hạn như Tổng Thống Hoa Kỳ George Bush đã công khai tuyên bố là ông chủ trương bảo vệ những quyền lợi của người Mỹ bằng một chính sách hòa bình hậu thuẫn bởi sức mạnh.

Sức mạnh là khả năng kiểm soát kẻ khác. Khi việc sử dụng sức mạnh giữa các quốc gia liên quan đến việc thi triển bạo lực vật chất thì người ta phải dựa vào lực lượng quân sự. Cho nên, trên chính trường quốc tế, đe dọa hay ngầm đe dọa bằng sử dụng quân sự là yếu tố quan trọng nhất trong việc tạo lập sức mạnh chính trị của một quốc gia.

A. Mục tiêu và quyền lực quốc gia

” Sức mạnh là một phương tiện để đạt mục tiêu chứ tự nó không phải là mục tiêu ”. Là phương tiện để đạt những mục tiêu, lực lượng quân sự đóng một vai trò trọng yếu trên chính đàn quốc tế cũng như quốc gia để bảo vệ quyền lợi của một nước.

Khi thảo luận về những mục tiêu của quốc gia, Morton Kaplan đã phân biệt cảm xúc hay xung động với mục tiêu đích thực. Cảm xúc hay xung động không hẳn là mục tiêu quốc gia và đối tượng của nó có thể nhất thời nhưng cũng rất quan trọng trong tiến trình quyết định trong đó các quyền lợi quốc gia và phương tiện sử dụng để bảo vệ các quyền lợi này được ấn định. Cảm xúc và xung động trong nhiều trường hợp là sự biểu hiện tự hào về quốc gia mình và được nhìn khi đúng khi sai như là quyền lợi của đất nước.

Khi sử dụng như phương tiện phục vụ quyền lợi đất nước, vai trò của lực lượng quân sự có thể được xếp vào 3 loại tương quan với chính sách của một quốc gia. Theo Arnold Wolfers, chính sách đối ngoại có thể chia làm ba đề mục là bành trướng lãnh thổ, tự vệ và từ bỏ chủ quyền. Từ bỏ chủ quyền tự ý nghĩa nguyên thủy đã là một hành vi chịu thiệt thòi nên không cần đến sự ủng hộ của quân đội ngoại trừ trường hợp phải chống lại những người phản đối chính sách đó. Khi một quốc gia theo đuổi chính sách bành trướng thì thường phải tìm kiếm một sự thay đổi tình trạng hiện thời. Mục tiêu có thể là để gia tăng sức mạnh, thống trị một dân tộc khác hay mở mang lãnh thổ nhưng cũng có thể để đòi lại đất đai trước đây bị mất hay để giải quyết một bất bình đẳng sẵn có. Dù dưới động lực nào chăng nữa, một khi quốc gia theo đuổi một chính sách bành trướng họ sẽ không sao tránh khỏi việc đối kháng quân sự từ quốc gia

khác. Cho nên, cần phải có một quân lực mạnh để đương đầu với chiến tranh chống kẻ thù hay đe dọa dùng võ lực để cho đối phương phải khuất phục hay chịu ngồi vào bàn hội nghị.

B. Chính trị quốc tế và An ninh quốc gia

Không phải quốc gia nào trên thế giới cũng theo đuổi một chính sách bành trướng lãnh thổ và cũng chẳng phải quốc gia nào cũng có khả năng làm chuyện ấy. Có nhiều quốc gia chỉ muốn giữ nguyên trạng hiện tại hơn là thay đổi. Wolfers gọi đó là chính sách quốc gia tự tồn. Tuy nhiên, dưới danh nghĩa an ninh quốc gia, đòi hỏi độc lập và toàn vẹn lãnh thổ cũng có thể bao gồm một số mục đích sống còn khác như an ninh và các vùng ảnh hưởng để đầu tư ...

Thực hiện chính sách quốc gia tự tồn không có nghĩa là chỉ tự vệ khi bị tấn công. Nhu cầu an ninh quốc gia vượt qua tự vệ và bảo tồn, trong nhiều trường hợp "có tham vọng biến thành một chính sách bành trướng vô hạn định". Nghiên cứu về các xung đột quân sự giữa các siêu cường từ sau thế chiến thứ hai, người ta thấy rằng một quốc gia theo đuổi an ninh quốc gia không thể ngừng lại trước khi chinh phục xong toàn thể địa cầu.

Dẫu rằng tự vệ để bảo tồn lãnh thổ hay theo đuổi một chính sách bành trướng, việc sửa soạn một lực lượng quân sự thích hợp luôn luôn cần thiết. Không một quốc gia nào có thể yên ổn lâu dài nếu không có một lực lượng tối thiểu để bảo vệ an ninh. Vấn đề này áp dụng cho cả chính trị quốc tế lẫn địa lý chính trị. Trong khi các siêu cường và các cường quốc tranh giành ảnh hưởng, hầu hết các quốc gia cỡ trung và cỡ nhỏ lại phải đối phó các vấn đề địa lý chính trị với lân bang. Thí dụ như tại Trung Đông và Phi châu. Mặc dầu các siêu cường muốn đàm phán để tài giảm binh bị cho toàn thế giới, kỹ nghệ quân sự và buôn bán vũ khí trên thị trường thế giới vẫn cực kỳ sôi động. Chiến tranh khu vực bảo đảm cho việc thương mại quốc phòng luôn luôn thịnh vượng.

C. Vai trò chính trị của quân sự trong các quốc gia đang mở mang

Thế giới hiện nay có hơn 160 quốc gia nhưng chỉ có độ hơn 20 quốc gia được gọi là phát triển về cả chính trị lẫn kinh tế. Phần còn lại được gọi là đang mở mang hay chậm tiến. Đa số đều ở trong tình trạng tiền kỹ nghệ hay kỹ nghệ sơ khai có các đặc tính là kinh tế yếu kém và chính trị độc tài.

Vấn đề an ninh quốc gia của các nước này không phải là sự đe dọa từ nước ngoài ; trái lại vấn đề chính yếu là bất ổn từ bên trong. Vì chưng thiếu những truyền thống dân chủ trong việc giải quyết các vấn đề xã hội chính trị, việc đấu tranh tại các quốc gia đang mở mang thường tiềm ẩn nhiều bạo lực. Quân đội thường can thiệp và thay thế chính quyền dân sự. Ngay cả khi không thay chính quyền dân sự bằng một chế độ quân phiệt, họ vẫn có ảnh hưởng mạnh đối với chính phủ. Đó là hiện tượng phổ biến nhất trong thế giới thứ ba ngày nay. Philippines, Nam Hàn hay Pakistan là những thí dụ điển hình. Quân đội trong các quốc gia này luôn luôn đóng một vai trò chủ chốt trong việc giữ gìn ổn định chính trị.

Quân đội cũng đóng góp trong việc phát triển xã hội - kinh tế dù có hay không có một chính thể quân sự. Nói chung, các chính thể quân phiệt tại các quốc gia đang mở mang không có thành tích đáng kể trong phát triển kinh tế ngoại trừ Nam Hàn, nơi mà giới quân nhân liên tục đè nén việc đòi hỏi dân chủ chính trị và dồn nỗ lực vào việc phát triển kinh tế. Đây là một trong số ít ỏi mô hình kỹ nghệ hóa trong các nước đang mở mang.

Thêm vào đó, với trang bị tối tân và tổ chức hữu hiệu, quân đội có thể đảm trách các công trình xây dựng xã hội - kinh tế để thúc đẩy canh tân đất nước. Tuy nhiên, đây chỉ là một ảo tưởng trong hầu hết các quốc gia đang mở mang vì lực lượng võ trang tại các nước này nhiều khi là những kẻ nắm quyền và hưởng nhiều đặc quyền đặc lợi. Họ không chịu phục vụ như một lực lượng lao công hay cơ ngũ sản xuất. Tuy nhiên, nếu được chính trị điều động và giáo dục về ý thức, các đơn vị quân sự có thể trở thành những lực lượng sản xuất then chốt và có thể sử dụng một phần nhân sự và trang bị trong các kế hoạch kinh tế. Việc dùng quân sĩ khẩn hoang thời trước ở Trung Hoa và các hoạt động kinh tế tại Trung Hoa hiện tại là những

ví dụ xác đáng. Điểm này sẽ được khai triển thêm ở những chương sau.

Dù không trực tiếp điều động trong các hoạt động kinh tế, các lực lượng quân sự tại các quốc gia đang canh tân vẫn có thể hỗ trợ phát triển. Họ có thể cho mượn các dụng cụ tối tân dùng vào việc huấn luyện tân binh, cho họ tham gia các chương trình phát triển kinh tế khi giải ngũ, hoặc giúp đỡ các viên chức địa phương huấn luyện nhân sự ngũ hầu gia tăng khả năng kỹ thuật giúp phần vào phát triển đất nước.

2. KỸ THUẬT TÂN TIẾN VÀ TƯ TƯỞNG QUÂN SỰ HIỆN ĐẠI

Nếu chiến tranh có nguyên ủy sâu xa thuộc về bản chất con người thì việc sử dụng vũ khí trong chiến tranh là một tài nghệ đặc biệt của nhân loại. Việc phát triển kỹ thuật có những hậu quả không thể phủ nhận được trong lãnh vực quân sự, trong tổ chức, chiến lược và chiến thuật. Nói một cách khác, việc phát triển kỹ thuật quân sự không tránh khỏi ảnh hưởng đến việc phát triển các tư tưởng quân sự.

A. Hệ thống xã hội - kinh tế và lực lượng quân sự

Một cách tổng quát, vào thời kỳ đầu của lịch sử, kỹ thuật còn rất thô sơ. Dụng cụ dùng hàng ngày cũng là vũ khí trong chiến tranh. Khi kỹ thuật sản xuất cải tiến, vũ khí dần dần tách rời khỏi dụng cụ sản xuất. Vũ khí chỉ dùng cho nhu cầu chiến đấu. Khi nghiên cứu lịch sử thế giới, một tư tưởng gia quân sự cận đại Trung Hoa, Tướng Tưởng Bách Lý (Jiang Baili), tìm ra rằng một khi phương tiện mưu sinh và dụng cụ dùng trong chiến đấu nếu đồng dạng với nhau thì quốc gia sẽ mạnh, trái lại sẽ yếu và có thể đi đến diệt vong. Theo sự khám phá của ông, việc kết hợp phương tiện mưu sinh và nhu cầu chiến tranh có thể đạt được bằng hai cách : một là dụng cụ, hai là hệ thống xã hội - kinh tế.

Con ngựa của người Mông cổ và chiếc thuyền của người Âu châu là thí dụ về dụng cụ sinh sống, còn hệ thống ” tất cả nam nông

dân đều ở trong quân trừ bị” của Trung Hoa thời cổ cũng như chế độ động viên của Âu châu hiện nay là hình thức thứ hai. Ông Tưởng cố gắng chứng minh rằng có một liên hệ sống còn giữa kinh tế quốc gia và lực lượng quốc phòng.

Tương tự như khám phá của ông Tưởng, Paul Kennedy đã đưa ra một kết luận trong nghiên cứu của ông về lịch sử thế giới 500 năm cận đại ở cuốn Thăng Trầm của các Đại Cường (The Rise and Fall of the Great Powers). Ông ta cho thấy liên hệ giữa lực lượng quân sự và kinh tế chỉ đạo sự tiến bộ của các quốc gia. Dựa trên những số liệu lịch sử phong phú, ông đưa ra một tương quan rõ rệt trên đường dài giữa việc phát triển và suy tàn trong kinh tế với việc thăng trầm trong sức mạnh quân sự của các đại cường vì tài nguyên kinh tế cần thiết để yểm trợ các đại đơn vị quân sự. Theo ông, khi còn quan tâm đến chính trị quốc tế thì tài sản và sức mạnh luôn luôn liên quan chặt chẽ với nhau. Điều đó cũng tương tự như các lý thuyết tìm thấy trong triết học quân sự Trung Hoa thời xưa, sẽ được bàn tới trong chương hai của cuốn sách này.

Kennedy không tìm cách đưa ra một thuyết chung về hình thức xã hội và tổ chức xã hội - chính trị nào thích hợp nhất cho giai đoạn chiến tranh nhưng ông nhấn mạnh hậu quả của kinh tế và thay đổi kỹ thuật, và tương quan giữa chiến lược và kinh tế trong vai trò của các đại cường trên bàn cờ quốc tế. Tuy nhiên, ông đã cho chúng ta thấy kinh tế thị trường và hệ thống đa nguyên của các trung tâm cường lực Âu châu từ thế kỷ thứ 16 đến thế kỷ thứ 19 đã thúc đẩy kinh tế và phát triển kỹ thuật bằng phương thức cạnh tranh. Khi nói như thế, ông đã đưa ra một kết luận là việc tập trung quyền hành theo kiểu chuyên chế Á Đông bất lợi trong việc kích thích thay đổi kỹ thuật trừ khi những thay đổi đó do chính nhà cầm quyền đề xướng. Hệ thống xã hội - chính trị sau triều Minh ở Trung Hoa dưới mắt Kennedy là một thí dụ điển hình.

B. Ảnh hưởng của kỹ thuật hiện đại trên sự quân bằng quyền lực

Khi tướng Tưởng Bách Lý đề cập đến tương quan giữa phương tiện sinh nhai và chiến đấu ông đã hàm ý là kỹ thuật cận đại của xã hội có ảnh hưởng đến lực lượng quân sự. Paul Kennedy đi xa hơn để chứng minh rằng sự phát minh ra máy chạy bằng hơi nước vào cuối thế kỷ 18 không chỉ khởi đầu cho cuộc cách mạng kỹ nghệ tại Âu Châu mà quan trọng hơn là nó di chuyển cán cân quyền lực về phía Tây Phương trong suốt 200 năm qua. Kỹ thuật mới tìm ra trong lãnh vực kỹ nghệ được áp dụng vào quân sự và hải lực một vài thập niên sau đó. Đường xe lửa, điện tín, súng liên thanh, sức nổ hơi ép và các tàu bọc sắt kế tiếp nhau du nhập vào lãnh vực quân sự và trở thành một dấu hiệu quan trọng của sức mạnh. Các kỹ thuật đó gia tăng hỏa lực và cơ động tính của các lực lượng Âu Châu và giúp họ bành trướng thế lực ra khỏi địa bàn.

Trong khi người Âu Châu thu hoạch những thành quả của kỹ thuật mới thì các quốc gia Á Châu, điển hình là Ấn Độ và Trung Hoa lại vẫn gắn chặt với phương pháp cổ điển. Họ chẳng những không biết gì về kỹ thuật mới mà lại còn bỏ mất một số các kỹ thuật vốn một thời có giá trị và tiến bộ của chính họ. Thí dụ như vua nhà Minh bãi bỏ kỹ nghệ đóng tàu của Trung Hoa khiến cho các hạm đội hùng hậu trên biển cả phải mai một vào giữa thế kỷ 15. Cho nên khi các lực lượng Âu châu tiến vào nước Tàu, người Trung Hoa đành bó tay không chống nổi. Cuộc chiến tranh Nha Phiến giữa Anh và Trung Hoa đã xảy ra trong tình trạng như thế hồi thập niên 1840. Từ đó, Trung Hoa chìm đắm trong cơn ác mộng dài một thế kỷ và phải nỗ lực tuyệt vọng để canh tân quân sự hầu có thể sống còn.

C. Ảnh hưởng của kỹ thuật hiện đại trên Chiến lược và Chiến thuật quân sự

Ngày hôm nay, ai cũng hiểu rằng một khi vũ khí thay đổi sẽ lập tức ảnh hưởng đến tổ chức quân đội cùng chiến lược và chiến thuật của nó. Tuy nhiên vào đầu thế kỷ thứ 19 khi kỹ thuật mới đem áp dụng vào quân sự thì không ai biết như thế. Theo Kennedy, các cấp chỉ huy quân sự tại Âu Châu chỉ bắt đầu tu chính lại quan niệm của họ về chiến thuật chiến lược nhiều thập niên sau khi lục quân và hải quân đã được trang bị với vũ khí mới chế tạo ra từ cuộc cách mạng

kỹ nghệ. Tại Trung Hoa, thay đổi trong chiến lược phải mất đến gần 100 năm sau.

Kinh nghiệm của người Trung Hoa trong công cuộc canh tân binh bị cho thấy là những cấp lãnh đạo quân sự vào thế kỷ 19 đã cố gắng để có được vũ khí mới nhưng lại đến 40 năm sau mới nghĩ tới sự cần thiết phải thay đổi trong tổ chức và chiến lược. Họ bắt đầu xây dựng kỹ nghệ quân sự và mô phỏng súng ống của Tây phương hồi đầu thập niên 1860 nhưng họ chỉ bắt đầu du nhập hệ thống quân sự Tây phương và chương trình huấn luyện vào đầu thế kỷ 20 sau khi bị người Nhật và các cường quốc Âu châu kế tiếp đánh bại. Một phần của sự trì hoãn này là vì thiếu ngân khoản và các cơ sở kỹ nghệ để cung cấp đủ vũ khí mới cho các lực lượng quân đội toàn quốc. Hầu hết các lực lượng quân sự vẫn trang bị bằng các loại vũ khí cổ điển ngoại trừ các đơn vị thuộc quyền Lý Hồng Chương (Li Honzhang) và Tả Tông Đường (Duo Zongtang). Cho đến giữa thế kỷ 19, nhiều cấp chỉ huy quân đội cũng chưa cảm thấy cần thiết phải thay đổi hình thức tổ chức.

Tuy nhiên, lý do quan trọng nhất có lẽ là vì hình thức cũ kỹ trong việc tuyển chọn cấp chỉ huy. Chưa có các học hiệu quân sự để huấn luyện một chương trình tiêu chuẩn cho các học viên. Cũng giống như các quan lại hành chánh, các cấp võ quan được tuyển chọn qua các kỳ khảo hạch của triều đình, mà nguyên tắc căn bản dựa trên tài cưỡi ngựa và bắn cung của thí sinh. Cho nên, các võ quan tuyển chọn theo hệ thống này không có kiến thức gì về vũ khí Tây phương và nhất là về hệ thống quân đội. Họ không quan tâm gì đến việc thay đổi tổ chức binh bị.

Ngoài ra, thành phần quan lại Nho sĩ với một mặc cảm tự tôn về Trung quốc cũng có khuynh hướng chống lại lại những quan niệm và phương pháp của nước ngoài. Sự nhục nhã trong việc thua trận càng khiến cho người ta đề kháng việc mô phỏng hệ thống Tây phương. Ngay đến cuối thế kỷ thứ 19, nhiều viên chức vẫn kêu gọi triều đình sử dụng các loại vũ khí cổ điển để chống lại liệt cường Tây phương. Trong hoàn cảnh như thế thì việc trì hoãn không dám thay đổi quyết liệt trong tổ chức quân sự là chuyện tất nhiên. Mỗi

đến thập niên 1920, khi xã hội Trung Hoa đã thay đổi từ căn bản sau cuộc cách mạng và nội chiến, lúc ấy các cấp chỉ huy quân sự mới thấy quan tâm đến nhu cầu phải cải cách tận gốc rễ.

Sự hình thành tư tưởng quân sự Mao Trạch Đông không có nghĩa là việc canh tân quân sự của Trung Hoa đã thành công, cũng không phải đã dựa trên ưu điểm của võ khí hiện đại. Trái lại, các tư tưởng quân sự này xây dựng trên việc đối phó với năng lực to lớn của vũ khí mới do đối phương của ông ta sử dụng. Các tư tưởng đó được công nhận là một trong vài chiến lược quân sự quan yếu trong thế kỷ này. Tuy nhiên, hoàn cảnh của thập niên 1980 hoàn toàn khác hẳn hoàn cảnh thời thập niên 1930 khi Mao chiến đấu trong một vị trí yếu kém. Hiện nay, Trung Hoa có một kỹ nghệ quân sự tương đối tân tiến, quân đội được trang bị vũ khí hạch nhân và hỏa tiễn, chỉ đứng sau hai siêu cường Mỹ và Nga. Khi nỗ lực hiện đại hóa các lực lượng quốc phòng, họ bắt buộc phải đánh giá lại một cách nghiêm chỉnh cái gọi là chiến tranh nhân dân một thời có giá trị để có thể thay đổi cần thiết cho việc áp dụng các kỹ thuật mới và vũ khí họ có trong tay.

3. CÔNG CUỘC CANH TÂN QUÂN SỰ CẬN ĐẠI VÀ ẢNH HƯỞNG TRÊN CHIẾN TRANH NHÂN DÂN

Kể từ 1949, dưới chế độ Cộng Sản có hai trào lưu chính yếu thúc đẩy canh tân hóa quân sự. Trong khi trào lưu hiện thời bắt đầu từ cuối thập niên 1970 đến nay vẫn chưa hoàn tất, trào lưu trước khởi động từ đầu thập niên 1950 sau cuộc chiến Triều Tiên và bị bỏ dở vì lý do chính trị. Cả hai đều có ảnh hưởng đến chủ thuyết chiến tranh nhân dân.

A. Cuộc canh tân sau chiến tranh Triều Tiên và hậu quả của nó

Chính vì tham dự vào chiến tranh Triều Tiên, Trung Hoa có cơ hội thử sức với lực lượng quân sự mạnh nhất thế giới trong một cuộc chiến qui ước. Tuy được thế giới nể vì, họ phải chịu một tổn thất nặng nề. Từ đó, họ hiểu được vai trò quan trọng của vũ khí hiện đại và đẩy mạnh canh tân hóa quân đội sau khi chiến tranh chấm dứt.

Trong khi giới lãnh đạo ủng hộ việc canh tân hóa, các cựu chiến binh chiến tranh Triều Tiên và các sĩ quan trẻ chống lại lãnh đạo chính trị bằng cách phản đối quyền tối thượng của Đảng và hệ thống chính trị viên trong quân đội. Xung đột đó đã đưa đến việc hạ bệ Thống Chế Bành Đức Hoài (Peng Dehuai), lãnh tụ của phe đổi mới và những người theo ông ta, đưa đến một biến động quân sự nghiêm trọng trong quân đội và toàn quốc. Chính vì thế, công cuộc canh tân hóa bị 지연 trì, ít nhất cũng phần nào trong hơn một thập niên.

Các yếu tố quốc tế khác cũng ngăn trở trào lưu hiện đại hóa. Sự suy thoái trong quan hệ Trung Hoa - Liên Xô hồi 1958 và việc triệu hồi các trợ giúp quân sự và kinh tế của Liên Xô đóng một vai trò chủ yếu trong việc làm chậm lại công cuộc canh tân hóa của Trung Hoa. Người Trung Hoa phải tự lực cánh sinh. Dưới cái gọi là chính sách "đi trên hai chân", họ theo con đường hiện đại hóa một cách độc lập, không dựa vào sự trợ giúp từ nước ngoài. Tuy nhiên, khả năng kỹ thuật của Trung Hoa không đủ sức yểm trợ đòi hỏi của một lực lượng quân sự hiện đại trong thời đó. Thế nhưng tình trạng căng thẳng giữa Trung Hoa và Hoa Kỳ ngày càng gia tăng, từ vụ kinh đào Suez năm 1956 đến việc Mỹ đổ quân vào Lebanon năm 1958, đã khiến cho giới lãnh đạo Trung Hoa tin tưởng rằng một cuộc đụng độ quân sự Mỹ - Hoa không thể nào tránh khỏi, và Trung Hoa phải chuẩn bị chiến tranh trong phạm vi họ có thể làm. Nếu Trung Hoa bắt buộc phải tham gia một cuộc chiến chống Mỹ mà không có sự yểm trợ quân sự từ phía Liên Xô, điều họ chỉ có thể làm là tiến hành một cuộc chiến tranh nhân dân ngay trên đất của họ. Kết luận đó khiến cho giới lãnh đạo Trung Cộng cách mạng hóa Nhân Dân Giải Phóng Quân (People's Liberation Army hay PLA) và gia tăng tối đa hệ thống dân quân bằng cách đoàn ngũ hóa tất cả đàn ông, đàn bà còn khả năng chiến đấu vào các đơn vị dân quân tại các vùng nông thôn để chuẩn bị chống xâm lăng. Họ đưa ra một chủ thuyết là đế quốc không thể nào tiêu diệt toàn thể Trung Quốc bằng vũ khí hạch tâm mà phải đem quân vào chiếm đóng lãnh thổ. Khi họ đặt chân lên đất Tàu, họ sẽ lập tức bị dân quân và GPQ bao vây.

Họ sẽ bị sa lầy vào chiến tranh biển người và sẽ dần dần bị tiêu diệt.

Trong thời kỳ cao điểm của chiến dịch chuẩn bị chiến tranh, Thống Chế Lâm Bưu (Lin Bao) lại gia tăng chính trị hóa Hồng quân và mở rộng vai trò chính trị của quân đội để làm phương tiện tranh giành quyền lực trong Cách Mạng Văn Hóa và bãi bỏ các huấn luyện quân sự. Đó chính là hậu quả quan trọng nhất của Cách Mạng Văn Hóa và Trung Hoa phải trả cái giá sau này trong cuộc đụng độ Trung-Xô tại Đảo Trân Bảo (Zhenbao, tên Nga là Damansky) năm 1969 và cuộc chiến biên giới Hoa-Việt năm 1979. Những bài học chua cay đó khiến cho Trung Hoa một lần nữa phải quay về chương trình canh tân hóa quốc phòng vào cuối thập niên 1970 sau khi Đặng Tiểu Bình lên nắm quyền. Chương trình canh tân hóa quân sự là một trong Tứ Hiện Đại Hóa đứng sau kỹ nghệ, nông nghiệp và khoa học kỹ thuật. Chính quyền Trung Hoa muốn canh tân hóa quân sự trên cơ sở thành công về kinh tế và phát triển kỹ thuật.

B. Hiện đại hóa quân sự ngày nay và những tranh luận về chiến lược

Sau gần hai thập niên rối loạn chính trị, những nhà lãnh đạo Trung Hoa bắt đầu hiểu rằng đấu tranh nội bộ trong Đảng gây ra thiệt hại nghiêm trọng trong việc phát triển xã hội - kinh tế và quân sự. Trước khi từ trần, Thủ tướng Chu Ân Lai đã quyết định nỗ lực hiện đại hóa quốc gia, nhưng chương trình chỉ được đưa ra thành quốc sách khi bọn Tứ Nhân Bang bị thanh trừng năm 1976 sau khi Mao Trạch Đông qua đời.

Vào lúc chương trình hiện đại hóa quốc phòng bắt đầu vào cuối thập niên 1970, tình hình trong nước và bên ngoài hoàn toàn khác hẳn thập niên 1950. Năm 1978, khi Đặng lên nắm quyền, mặc dù Trung Hoa vẫn còn bị áp lực nặng từ phía Liên Xô dọc theo biên giới, việc tái lập quan hệ ngoại giao với Hoa Kỳ khiến cho các lãnh tụ Trung Cộng cảm thấy an toàn hơn hồi thập niên 1950. Dưới chính sách mở cửa của Đặng Tiểu Bình, Trung Hoa phần nào có được cơ

hội du nhập kỹ thuật và khí giới mới của Tây Phương. Việc đó khiến cho vấn đề hiện đại hóa có nhiều cơ hội thành công hơn.

Khi vấn đề canh tân quân sự được đưa trở lại chính sách hồi năm 1978, Trung Cộng lúc đó đã có hỏa tiễn bắn vòng cầu tam trung, bom khinh khí, vệ tinh trên không trung và đang sắp sửa thử nghiệm hỏa tiễn liên lục địa (ICBM). Các lãnh tụ Trung Hoa vì thế biết rõ hơn về sức tàn phá của vũ khí mới và ở trong điều kiện thuận lợi hơn về canh tân hóa quân sự.

Ngoài ra, mặc dầu nhiều người vẫn đòi giới hạn vai trò của quân đội trong các hoạt động chính trị để khởi đi vào vết xe trong thời Cách Mạng Văn Hóa, không lãnh tụ nào công khai phủ nhận quyền lãnh đạo tối cao của Đảng trong quân đội. Trái lại, các nhà lãnh đạo vẫn bao gồm cách mạng hóa, định lệ hóa và hiện đại hóa là ba mục tiêu của canh tân quân sự. Ít nhất họ cũng đồng ý bề mặt về công tác chính trị trong quân đội và giảm bớt được nhiều phong trào chống đối các chính trị viên nơi các đơn vị. Vốn dĩ là một chính trị viên lão luyện, Đặng Tiểu Bình cũng góp phần dập tắt những mầm mống đối kháng. Nói như thế không có nghĩa là hoàn toàn không ai chống lại việc hiện đại hóa Hồng quân. Thực tế, tranh luận trên việc áp dụng chủ thuyết chiến tranh nhân dân của Mao Trạch Đông tới nay vẫn chưa hoàn toàn dứt hẳn. Một số cấp tướng lãnh tiếp tục cho rằng nếu như ngày mai xảy ra chiến tranh thì Trung Hoa vẫn ở thế yếu và Hồng quân phải chuẩn bị một cuộc chiến tranh nhân dân với sự trợ lực của đại khối dân quân và lực lượng du kích ... Các nhà lãnh đạo chủ trương canh tân trái lại lại cho rằng tuy họ không phủ nhận giá trị của chiến tranh nhân dân nhưng phải được biến chuyển để phù hợp với tình thế mới, hoàn cảnh thực tế và kiên quyết bảo vệ lập trường cải tiến hệ thống vũ khí, tái tổ chức quân đội và nhấn mạnh vào huấn luyện quân sự.

Nhờ tình hình chính trị tương đối ổn định, Trung Hoa đã gặt hái được những thành tựu đáng kể trên cả hai bình diện canh tân kinh tế và quân sự. Họ tiếp tục giữ được mức gia tăng tổng sản lượng bình quân hàng năm 7% mà lại giảm chi quân sự từ 17.5% tổng số ngân sách hồi 1979 còn 8.2% trong năm 1987. Dù sao chẳng nữa, thế giới

cũng phải kinh ngạc về thành quả của họ về các loại hỏa tiễn liên lục địa và hỏa tiễn khác, xe tăng và súng ống diển hành nhân ngày Quốc Khánh. Họ giảm 1 triệu quân trong vòng 2 năm, thiết lập một qui chế hưu cho sĩ quan, đưa ra một chế độ quân dịch tốt đẹp hơn, cải thiện hệ thống quân sự học hiệu và dần dần khôi phục truyền thống cấp bậc trong quân ngũ. Tất cả những điều đó cần thiết cho một lực lượng quân sự tân tiến. Nhờ những thành quả gặt hái được nên Triệu Tử Dương, lúc đó đương kim Tổng Bí Thư của Trung ương Đảng và là Đệ Nhất Phó Chủ Tịch Ủy Ban Quân sự Trung ương đã có thể tuyên bố công khai trong một phiên họp là "qui chiếu các vấn đề chiến lược của các lực lượng vũ trang, chúng ta phải tập trung vào việc hiện đại hóa quân đội và huấn luyện chứ không phải vào nguyên tắc chiến tranh nhân dân cổ điển". Trong một dịp khác, họ Triệu còn đi xa hơn để nói rằng Trung Hoa phải bắt đầu lượng định một cách chính xác về một cuộc chiến có thể xảy ra trong tương lai, viễn tượng của vấn đề quốc phòng và phương hướng phát triển tiềm năng quân sự. Tài liệu đó cũng cho hay chính quyền Trung Hoa đã tái xét lại kế hoạch hiện đang áp dụng. Họ cố gắng hình thành một mục tiêu trung gian cho cải cách quân sự và kế hoạch quốc phòng trước khi đưa ra sơ đồ chiến lược quân sự cho thế kỷ sắp tới.

Qua những tài liệu đó, chúng ta không còn nghi ngờ gì về việc Trung Hoa đang hình thành một thay đổi quan trọng trong tư tưởng quân sự nói chung và chiến lược quân sự nói riêng. Họ không chỉ suy nghĩ về một tương lai mười năm sắp tới mà có thể 20 hay xa hơn nữa. Không ai biết chính xác Trung Hoa sẽ thay đổi như thế nào trong chiến lược hiện tại và sẽ thay đổi tới mức độ nào. Tuy nhiên, căn cứ vào một số dữ kiện chính yếu chúng ta có thể nhận định về một hướng đi khả dĩ xảy ra.

4. NHỮNG YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI SỰ THAY ĐỔI TRONG TƯ TƯỞNG QUÂN SỰ CỦA TRUNG HOA

Khi một quốc gia quyết định về chiến lược quốc phòng, các lãnh tụ quân sự và chính trị phải hình dung ra những tình trạng họ có thể phải đối phó. Họ còn phải tiên tri những vấn đề có thể xảy ra

trong tương lai khi sự phát triển quốc gia và quốc tế đến một mức độ nào đó. Đưa ra những giả thuyết đó, những nhà lãnh đạo phải quyết định các chiến lược đoản kỳ, trung kỳ và trường kỳ trong công tác quốc phòng. Có thể có vô số yếu tố có thể ảnh hưởng đến sự chọn lựa của những người hoạch định chính sách nhưng quan trọng nhất có thể giới hạn trong 6 yếu tố sau đây :

A. Viễn tượng chiến tranh và Tình trạng Quốc tế

Mục tiêu đầu tiên của quốc phòng và chiến lược là để đối phó với các cuộc chiến tranh có thể xảy ra và có thể thủ thắng. Cho nên, kế hoạch quốc phòng và chiến lược của một quốc gia phải căn cứ trên một lượng định chính xác về viễn tượng của những cuộc chiến trong tương lai. Liệu có cuộc chiến sắp tới nào đe dọa đến quốc gia không ? Nếu câu trả lời là có, thì kẻ thù là ai ? Đó là một cuộc đại chiến hay một cuộc chiến khu vực ? Có nguy cơ nào đi tới chiến tranh hạch tâm không ? Đi xa hơn nữa, nếu không tránh được, thì bao giờ nó xảy ra ? Trong vòng 5 năm ? Trong một thập niên ? hay trong một tương lai không định trước được ?

Các chiến lược gia phải phân giải các tin tức có thể có để đưa ra một nhận định chính xác và từ đó vẽ ra kế hoạch và chiến lược quốc phòng sao cho phù hợp.

Sau khi chiến tranh Triều Tiên chấm dứt, cuộc chiến tranh lạnh giữa các quốc gia tư bản Tây phương và khối Cộng Sản ngày càng mãnh liệt. Một cuộc chiến qui mô có thể sẽ xảy ra bắt nguồn từ các cuộc chiến khu vực. Vì độc quyền trong vũ khí nguyên tử, các nhà lãnh đạo Hoa Kỳ đã chọn một chiến lược tương đối hùng hổ. Đó là chiến lược "trả đũa qui mô" cho phép Hoa Kỳ khởi động chiến tranh trên bất cứ tầm vóc nào kể cả chiến tranh hạch tâm để đối phó với các cuộc đụng độ địa phương. Từ cuối thập niên 1950, mức chênh lệch trong vũ khí hạt nhân giữa Hoa Kỳ và Liên Xô bắt đầu thay đổi. Hoa Kỳ mất vị trí uy thế tuyệt đối và bắt đầu quan tâm về một cuộc chiến nguyên tử sẽ tận diệt cả hai bên khiến họ phải từ bỏ chủ thuyết trả đũa qui mô và chấp nhận một chủ thuyết mềm dẻo hay trả đũa có tính toán vào thập niên 1960. Khi Nixon lên nắm quyền

hồi 1969, sự bất ổn trong nước do chiến tranh Việt Nam kéo dài khiến ông phải theo đuổi chính sách hòa hoãn với Liên Xô và đích thân du hành thăm Trung Hoa để giải trừ mối hiểm khích sâu xa giữa Trung Hoa và Mỹ.

Trước khi Tổng Thống Hoa Kỳ Nixon viếng thăm lục địa, chính quyền Trung Hoa vẫn khẳng định là một cuộc đại chiến giữa đế quốc và các quốc gia xã hội chủ nghĩa sẽ không sao tránh khỏi và chiến thắng sẽ vào tay khối Cộng Sản. Vì tin tưởng như thế nên Trung Hoa hằng chuẩn bị một cuộc chiến sử dụng vũ khí hạch tâm. Họ còn loan báo là nếu như chiến tranh không thể tránh được, thì họ muốn đánh sớm chứ không muốn để trễ. Khi Liên Xô bất đồng ý với chiến lược của Trung Hoa và cắt hết các chương trình yểm trợ quân sự và kinh tế, thì không những không từ bỏ quyết định, Trung Hoa lại tự chuẩn bị một cuộc chiến tranh nhân dân. Như đã đề cập trước đây, họ tăng cường lực lượng bằng cách động viên tất cả đàn ông đàn bà còn khả năng vào các đội dân quân. Chiến lược đó không thay đổi gì đáng kể cho đến khi Đặng Tiểu Bình lên cầm quyền vào cuối thập niên 1970. Tuy nhiên, sự chuyển hướng chỉ trở nên rõ rệt vào giữa thập niên 1980 khi người ta ghi nhận là họ Đặng đã phát biểu như sau :

- Chúng ta đã thay đổi quan niệm cũ vốn cho rằng nguy hiểm chiến tranh đang cận kề. Hiện nay chúng ta có thể trông chờ một thời kỳ hòa bình tương đối dài, ít nhất cũng tới cuối thế kỷ. Điều đó không phải là ảo vọng.

Từ đó, Trung Hoa đã tiến hành những đề án canh tân quân sự trong thời bình. Ngoài những việc khác, họ cũng giải ngũ khoảng một triệu lính trong tổng số 4 triệu quân nhân vào năm 1986.

Triệu Tử Dương cũng đã nói trong một cuộc họp quan trọng về quân sự là dựa trên tương quan ngoại giao hiện thời của Trung Hoa với các quốc gia khác và những điều kiện chung của cộng đồng thế giới thì chiến tranh qui mô lớn sẽ không xảy ra. Tuy nhiên ông ta vẫn cảnh giác các nhà lãnh đạo Trung Hoa là có thể có những xung đột khu vực. Với giả định đó, các nhà lãnh đạo Bắc Kinh bắt đầu

nghĩ tới việc tái tổ chức quân đội, phối trí lực lượng biên phòng và thực hiện nhiều cải tổ quân sự.

Từ khi lên cầm quyền hồi 1985, Mikhail Gorbachev cũng tiếp tục gia tăng nỗ lực giải trừ các vấn đề lịch sử giữa Liên Xô và Trung Hoa để cải thiện mối bang giao giữa hai bên. Công việc đó càng xác tín thêm quan điểm của Trung Cộng về tình hình lằng lộn của thế giới và đưa kế hoạch xây dựng quân sự và chiến lược mới vào một cơ sở vững chắc hơn.

B. Hậu quả của trang bị và kỹ thuật

Hậu quả quan yếu của kỹ thuật trên sức mạnh quốc gia và sức mạnh quân sự đã bàn luận ở trên. Ở đây, chúng ta cần đưa ra thêm là trong khi lực lượng của Trung Hoa có thể ưu thắng hay ít nhất tương đồng với các lực lượng khu vực tại Á châu và có thể thực hiện một chiến lược quốc phòng tấn tiến hơn, một cuộc phòng vệ tấn công trong những xung đột khu vực, họ vẫn còn kém so với các siêu cường. Cho nên, nếu có chiến tranh với một trong những siêu cường, Trung Hoa khó mà có thể có tiến hành một chiến lược tấn công. Thay vào đó, họ có thể nghĩ tới một quan điểm phòng ngự thoái lui (retrograde defense) hay phòng ngự vị trí (positional defense) dọc theo biên giới. Với các trang bị hiện đại, Hồng quân sẽ lệ thuộc nhiều vào tiếp vận các sản phẩm kỹ thuật từ các trung tâm kỹ nghệ của Trung Hoa. Cho nên không ai nghĩ rằng Hồng quân sẽ từ bỏ các khu vực kỹ nghệ để rút lui về nông thôn và vùng cao nguyên hầu thực hiện các nguyên tắc chiến tranh nhân dân trước khi ngăn chặn kẻ thù ngoài biên ải và các khu vực kinh tế chiến lược.

Tuy nhiên, cũng sẽ sai lầm khi nghĩ rằng trong một cuộc chiến tự vệ chống lại các siêu cường ngay trên lục địa Trung Hoa, Hồng quân sẽ hoàn toàn từ bỏ các nguyên tắc cổ điển của chiến tranh nhân dân. Nó sẽ vẫn còn hữu hiện một khi các lực lượng bắt buộc phải rút lui ra khỏi các vùng biên giới. Để cho phù hợp với tình trạng mới, người Trung Hoa phải áp dụng chiến lược phòng ngự 3 giai đoạn gồm chiến tranh vị trí, chiến tranh lưu động và chiến tranh du kích. Dưới chiến lược này, kẻ xâm lăng sẽ phải đối phó với sự

chống trả mãnh liệt của Hồng quân ngay tại các vị trí kiên cố nơi biên giới trước hết. Nếu phòng tuyến này bị chọc thủng, một cuộc chiến tranh lưu động với các lực lượng cơ hữu như thiết giáp, nhảy dù và các đơn vị khác sẽ chặn đánh khi quân địch tiến vào đất liền. Nếu cả hai chiến lược này đều không ngăn chặn được địch quân, chiến tranh du kích sẽ được phát động và là chiến lược sau cùng để chiến đấu. Dĩ nhiên nó khác với chiến tranh du kích theo lối cổ điển vì được trang bị vũ khí tương đối hiện đại hơn.

C. Lịch sử và Văn Hóa

Chiến lược quân sự đến một mức nào đó ảnh hưởng bởi nét đặc thù của quốc gia trong đó có cả lịch sử và văn hóa. Lịch sử là thành tích của kinh nghiệm ; văn hóa là những tin tưởng tập quán, hệ thống xã hội và các di sản vật chất truyền từ đời này sang đời khác. Tất cả những cái đó làm thành truyền thống dân tộc.

Là một trong những quốc gia có một nền văn hóa lâu đời nhất thế giới, với hơn 4000 năm lịch sử, Trung Hoa có một di sản về quân sự dồi dào. Việc phát triển kỹ thuật quân sự tân tiến, sự giao tiếp với lý thuyết quân sự nước ngoài, và liên tiếp bị liệt cường Âu Tây đánh bại đã phá vỡ quan niệm độc tôn về lý thuyết quân sự cũ nhưng vẫn còn được coi trọng và tiếp tục ảnh hưởng đến sự suy nghĩ của các cấp chỉ huy quân sự Trung Hoa. Cho nên, khi phân tích các tư tưởng quân sự mới của Trung Hoa, việc tìm hiểu nguồn gốc của triết học cổ truyền về quân sự là điều rất cần thiết. Sự phát triển các chiến lược quân sự của Trung Hoa trong tương lai không phải là việc nhất thời phát minh ra một lý thuyết hoàn toàn mới mà chỉ là tu chỉnh lại những chiến lược cũ từng bước một mà thôi. Cho nên, hiểu biết các tư tưởng quân sự mới của Trung Hoa một cách cặn kẽ kể cả tư tưởng của Tưởng Giới Thạch và Mao Trạch Đông giúp chúng ta có thể tiên đoán những thay đổi về xã hội - chính trị của Trung Hoa thời đại hôm nay.

D. Lý thuyết quân sự của ngoại quốc

Trước cuộc Nha Phiến Chiến Tranh, các cấp chỉ huy quân sự Trung Hoa không quen thuộc với các lý thuyết quân sự Tây phương. Ngay cả sau khi bị liệt cường đánh bại, người Tàu cũng chưa sẵn sàng thay đổi các tư tưởng quân sự. Trái lại, những lần bại trận này lại chỉ đánh dấu việc khởi đầu của một tiến trình dài và gian nan trong việc đưa các lý thuyết Tây phương đến với các cấp lãnh đạo Trung Hoa. Ngay cả khi người Trung Hoa chấp nhận các lý thuyết quân sự ngoại quốc qua việc liên minh, viện trợ quân sự, mua bán vũ khí, giao tiếp về kinh tế và văn hóa họ cũng chỉ sao chép bề ngoài chứ không thực sự du nhập sao cho phù hợp với hiện tình của đất nước. Vì thế, khi lực lượng Trung Hoa phải đối phó với quân xâm lăng, họ thường dễ dàng bị đánh bại cho tới khi họ nhận chân được làm sao có thể áp dụng các chủ thuyết quân sự nước ngoài vào thực trạng xã hội - kinh tế của nước Tàu. Do đó, tư tưởng quân sự mới của Trung Hoa không chỉ là một kế tục đơn giản của truyền thống quân sự cổ điển hay chỉ sao chép các tư tưởng nhập cảng từ bên ngoài. Đó là một lý thuyết mới bao gồm cả di sản cũ và tư tưởng của ngoại quốc. Từ khi áp dụng chính sách mở cửa vào thập niên 1970, người Trung Hoa có thêm nhiều dịp tiếp xúc với quân sự Âu Tây qua những cuộc viếng thăm trao đổi và nhập cảng vũ khí, kỹ thuật. Kết quả là các lý thuyết quân sự Tây phương sẽ ảnh hưởng đến Trung Hoa trong những năm tháng sắp tới.

E. Các ý thức hệ chính trị cận đại

Ý thức hệ là một hệ thống quan điểm về đời người hay văn hóa. Franz Schurmann định nghĩa đó là một hệ thống ý niệm có hậu quả đưa tới hành động. Mặc dầu Schurmann dùng các từ này nhằm vào vai trò của nó trước hết trong việc phục vụ mục tiêu một tổ chức, quan điểm về ý thức hệ cũng có thể áp dụng vào hành vi của con người. Nó có thể hướng dẫn thái độ hay đường lối suy nghĩ của một cá nhân.

Các lý thuyết quân sự cổ điển của Trung Hoa nguyên thủy dựa trên các tư tưởng chính trị của Khổng gia, Đạo gia, Kiêm ái hay Mặc gia. Tuy nhiên, khi các tư tưởng quân sự hiện đại bắt đầu phát triển, ảnh hưởng của các ý thức chính trị truyền thống của Trung Hoa giảm

dân và các ý thức chính trị ngoại quốc tăng lên. Khuynh hướng đó song hành với việc canh tân quân sự của Trung Hoa. Tăng Quốc Phiên (Deng Guofan), viên chức chỉ huy tối cao quân đội Thanh triều trong việc dẹp loạn Thái Bình và là một chiến lược gia quân sự lỗi lạc thời đó đã phát triển các tư tưởng quân sự của ông dựa trên Lý Học, một trường phái Khổng giáo thịnh hành đời Tống và đời Minh. Khi quân Quốc Dân Đảng đánh nhau với Cộng Sản ở tỉnh Giang Tây vào thập niên 1930, Tưởng Giới Thạch vẫn còn dùng một phần lý thuyết của Tăng Quốc Phiên để huấn luyện quân đội. Từ khi bắt đầu cuộc chiến Trung - Nhật, nhờ có viện trợ quân sự và tiếp xúc chính trị với các quốc gia Tây phương, tư tưởng quân sự và ý thức hệ Tây phương mới ảnh hưởng bao trùm trên tư tưởng quân sự cổ điển của Tưởng và các lãnh tụ Quốc Dân Đảng. Cũng tương tự như thế, chủ nghĩa Marx-Lenin có một ảnh hưởng vô cùng to lớn đến việc phát triển tư tưởng quân sự của Mao Trạch Đông và các lãnh tụ Cộng Sản.

Hồng quân do Đảng Cộng Sản trực tiếp lãnh đạo và thường tự đồng hóa với những người bị hà hiếp trong xã hội và dựa vào họ để chiến thắng. Vì thế, Mao Trạch Đông phát triển chiến tranh nhân dân dựa trên sự ủng hộ của quần chúng vũ trang. Khi theo đuổi chính sách mở cửa và cải cách chính trị hiện tại, chủ thuyết Marx - Lenin đã phải xét lại và du nhập thêm một số yếu tố mới từ thế giới Tây phương. Sự thay đổi về ý thức hệ chính trị này sớm muộn sẽ ảnh hưởng đến chiến lược của Trung Hoa và tư tưởng quân sự trong tương lai.

F. Cá tính con người

Việc phát triển nhân cách là một đề mục vốn dĩ đưa đến nhiều cuộc tranh luận sôi nổi giữa các tâm lý gia và nhân chủng gia trong một thời gian dài. Có một sự đồng ý chung là cá tính con người đầu tiên bị nắn khuôn theo hoàn cảnh mà người đó được nuôi dưỡng. Nói cách khác, sự phát triển cá tính ảnh hưởng căn bản bởi gia đình và xã hội qua giáo dục chính thức và không chính thức. Cho nên, lịch sử quốc gia, văn hóa và các điều kiện xã hội - chính trị như đã bàn ở trên đều có ảnh hưởng đến cá tính. Tuy nhiên một số học giả

lại tin rằng ảnh hưởng của hoàn cảnh trên việc hình thành nhân cách chỉ là một phần mà thôi. Một phần khác do di truyền từ nòi giống. Chưa có một kết luận nào đạt được từ phản đề này.

Dù yếu tố nào đóng góp vào việc phát triển nhân cách chẳng nữa thì cá tính đặc biệt của người ấy cũng biểu lộ qua các tư tưởng quân sự của họ. Chẳng hạn như Tưởng Giới Thạch, với cá tính anh hùng của một quân nhân chuyên nghiệp thường đòi hỏi các tướng lĩnh của ông tử thủ tại vị trí trong khi Mao Trạch Đông hành động giống như Gia Cát Lượng, một chiến lược gia lỗi lạc thời Tam Quốc, không đòi hỏi sự hi sinh cá nhân của những người cộng sự mà trái lại thích áp dụng chiến thuật ẩn hiện với kẻ địch, luôn luôn sẵn sàng tấn công để tiêu diệt khi có cơ hội.

Khi các đặc tính đó thể hiện trong tư tưởng quân sự, Tưởng hay nhấn mạnh về đức tính quả cảm và gan lì. Ông thường viết rằng một người có thể địch mười người hay mười người có thể địch một trăm người nếu binh sĩ sẵn sàng chiến đấu cho tới chết.

Mặc dù Mao không bỏ qua đức tính đó, trong tư cách một chiến lược gia và một người đánh cờ, ông rõ ràng thích dựa vào chiến lược hơn là sức mạnh vật chất. Tư tưởng của ông ta là một chống mười trong chiến lược nhưng mười chống một trong chiến thuật.

Trong khi những yếu tố đó có tính chất sống còn với sự phát triển tư tưởng quân sự, nó có thể không ảnh hưởng đến cá nhân một cách đồng đều. Một số yếu tố ảnh hưởng mạnh mẽ trong khi yếu tố khác có thể biến mất hay lệ thuộc vào hoàn cảnh mà người ta gặp phải. Do đó, những yếu tố này sẽ được sử dụng như những hướng dẫn tổng quát dựa trên những điều kiện vật chất mà người ta có được.

5. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ BỐ CỤC

A. Phương hướng

Việc phát triển các tư tưởng quân sự hiện đại của Trung Hoa như đã thảo luận ở trên liên hệ mật thiết đến hai yếu tố : việc phát

triển của lịch sử Trung Hoa trên phương diện xã hội - chính trị nói chung và tiến trình của canh tân quân sự Trung Hoa nói riêng. Cho nên, công trình nghiên cứu này sẽ dựa vào lịch sử để phân tích vấn đề hiện đại hóa quân sự của Trung Hoa trên nhiều mức độ khác nhau theo chiều hướng phát triển của Trung Hoa hiện nay. Chúng tôi sẽ đối chiếu tình hình xã hội - kinh tế và hoạt động chính trị vào từng thời kỳ để tìm kiếm tương quan giữa các nguyên nhân lịch sử và hậu quả của những biến động xã hội.

Đi tìm nguyên nhân của từng chuyển biến xã hội - chính trị cũng cần phải đào sâu vào hệ thống xã hội hiện hữu để đưa ra những yếu tố góp phần vào thay đổi. Dựa trên các giả định đó, hệ thống xã hội - chính trị, điều kiện kinh tế và hệ thống quân sự ngay trước cuộc Chiến tranh Nha Phiến năm 1840 sẽ được tìm hiểu ngõ hầu đưa ra một bối cảnh tổng quát.

Trong khi hệ thống xã hội - chính trị cổ thời của Trung Hoa trước năm 1840 có thể cung cấp những căn bản cho thay đổi sắp xảy ra và thúc đẩy cải cách, cuộc chiến tranh Nha Phiến và các biến cố theo sau là động lực xúc tác trực tiếp cho cuộc canh tân và trên hết là cải cách quân sự. Người Trung Hoa phản ứng đối với cuộc chiến tranh Nha Phiến như thế nào ? Thái độ của sĩ phu Trung Hoa ra sao ? Quan điểm của thành phần ưu tú trong hệ thống xã hội và chính trị sẽ là tiêu điểm cho các phân tích tại thời kỳ này để giải thích giai đoạn mở đầu hiện đại hóa quân sự của Trung Hoa.

” Tư tưởng phát xuất từ lịch sử ”. Những tư tưởng quân sự hiện tại là một sản phẩm của lịch sử. Các cấp chỉ huy quân sự trong giai đoạn này đã đóng góp hoặc nhiều, hoặc ít cho kết quả sau cùng của các tư tưởng hiện tại. Trước khi phân tích các quan điểm quân sự cá nhân, quá trình học vấn và xã hội - chính trị và tư cách con người sẽ được nhắc qua để đi tìm những yếu tố ảnh hưởng đến việc phát triển tư tưởng của người đó.

Chiến tranh giữa các lực lượng xã hội - chính trị khác nhau sau khi hệ thống cổ truyền sụp đổ đã tạo nên các thay đổi chính trị trong một thời gian dài và gần như hủy diệt toàn bộ quốc gia. Tuy nhiên,

sau những đấu tranh dai dẳng và gian nan, Trung Hoa đã thoát ra được những đổ vỡ và đi đến thống nhất. Trên quan điểm kỹ thuật, trong giai đoạn thập niên 1940, công cuộc canh tân quân sự của Trung Hoa còn một quãng dài trước khi hoàn tất. Ngoài những yếu tố khác, việc đưa ra được một tư tưởng quân sự hiện đại là chìa khóa để chiến thắng trong chiến tranh giải phóng và thống nhất quốc gia thoát ra khỏi thời kỳ nội chiến. Phân tích kỹ lưỡng về tư tưởng quân sự của Mao và của Tưởng và tình trạng độc đáo đưa đến những phát triển của họ sẽ cho chúng ta một khái niệm về các nhà lãnh đạo Trung Hoa đã hình thành chủ thuyết của họ như thế nào, làm sao vượt qua được những thử thách của thời kỳ chiến tranh khốc liệt, và sau đó cho chúng ta thấy đại khối quần chúng Trung Hoa đã được vận động ra sao để tham gia vào phong trào giải phóng quốc gia. Phong trào đó vốn dĩ không tiên liệu trước được, nhưng đến một mức nào đó bao gồm cả động viên lực lượng xã hội, kết hợp các tương quan rộng lớn, kêu gọi tham gia đại chúng và tinh thần quốc gia để xúc tiến xây dựng xã hội mới và công cuộc canh tân.

B. Bố cục

Cuốn sách này được chia thành 8 chương : ngoài phần mở đầu và phần kết luận, 6 chương kia sẽ được khai triển để phân tích các đề mục sau đây :

- Chương hai là một nghiên cứu tổng quát về triết học quân sự cổ điển của Trung Hoa. Chương này không những tóm tắt các trường phái và nội dung của các lý thuyết quân sự cổ thời mà còn phân tích bối cảnh xã hội - kinh tế đã sản sinh ra các lý thuyết đó và tại sao hấp dẫn được con người trong suốt mấy ngàn năm không thay đổi.

- Chương ba liên quan đến cuộc chiến tranh Nha Phiến và sự chuyển đổi hệ thống quân sự Trung Hoa. Chúng tôi sẽ thảo luận về hệ thống quân sự cổ điển trước chiến tranh, ảnh hưởng của chiến tranh, thái độ của người Trung Hoa và trên hết phản ứng của giới sĩ phu và quan lại. Tư tưởng canh tân quân sự và chính sách của triều đình chẳng hạn như cuộc Dương vụ vận động và Tự cường vận

động, việc xuất hiện các đạo quân địa phương như Tương quân, Hoài quân và hậu quả tác động trên việc canh tân quân sự của Trung Hoa những năm về sau sẽ được phân tích kỹ lưỡng hơn.

Các tư tưởng quân sự riêng của Lâm Tắc Từ (Lin Zexu), Ngụy Nguyên (Wei Yuan), Phùng Quế Phương (Pheng Guifen), Tăng Quốc Phiên (Deng Guofan), Lý Hồng Chương (Li Hongzhang), Tả Tông Đường (Duo Zongtang) hay Viên Thế Khải (Yuan Shihkai) sẽ được phân tích từng người một.

- Chương bốn căn bản là sự tiếp tục và giai đoạn chuyển tiếp của thời kỳ hậu cách mạng Tân Hợi 1911. Các tư tưởng về kiểm chế lực lượng quân sự và ép buộc giải ngũ quân đội, việc hình thành các lực lượng vũ trang của các đảng chính trị cũng như bối cảnh xã hội - chính trị sẽ được thảo luận chi tiết hơn. Ngoài ra chúng tôi sẽ phân tích về quan điểm quân sự của một số nhân vật như Lê Nguyên Hồng (Li Yuanhong), Sái Ngạc (Cai E), Bác Sĩ Tôn Dật Tiên (Sun Yatsen) và Tưởng Bách Lý (Jiang Baili).

- Chương năm và chương sáu hoàn toàn bàn về lý thuyết quân sự của Tưởng Giới Thạch và Mao Trạch Đông. Họ là những đại diện tiêu biểu nhất của lý thuyết quân sự Trung Hoa hiện đại.

- Chương bảy phân tích một cách ngắn gọn công cuộc cải cách quân sự của Đặng Tiểu Bình và sự phát triển chiến lược quốc phòng của Trung Hoa từ cuối thập niên 1970 tới nay.

6. TÀI LIỆU

Các tài liệu trong tập sách này chủ yếu tham khảo từ bốn nguồn thư tịch :

A. Tài liệu cá nhân của Tác giả

Một phần công trình nghiên cứu về lý thuyết quân sự cổ thời của Trung Hoa, các tác phẩm của Mao Trạch Đông và Tưởng Giới Thạch và sự phát triển hiện nay về quân sự của Trung Hoa và Đài Loan trong các báo chí, tạp chí trong sưu tập riêng của tác giả.

B. Các thư viện Bắc Mỹ

Một số lớn các tài liệu dùng trong sách này tìm thấy trong các thư viện East Asia Institutes của đại học Toronto, Canada và Đại học Harvard và Stanford, Hoa Kỳ.

C. Sưu tập tại Đài Loan

Bằng cả lời mời chính thức của chính quyền lẫn yêu cầu cá nhân, tác giả đã được phép sử dụng các nguồn tài liệu của Viện Á Đông, Đại học Quốc Gia Chengchi và Đại học Quân sự Chính trị Quốc Dân Đảng.

D. Tư liệu từ Trung Hoa

Dưới sự bảo trợ của Viện Nghiên Cứu Chiến Lược Quốc Tế Bắc Kinh, tác giả đã lưu lại Trung Hoa trong ba tuần để họp với nhiều học giả lỗi lạc chuyên về quân sự. Đặc biệt nhất là các cuộc hội nghị với các thành viên của Quân Sự Học Hiệu GPQ tại Bắc Kinh. Những buổi gặp gỡ đó làm sáng tỏ một số vấn đề then chốt và giúp sưu tầm thêm tài liệu.

Những cuộc du hành nghiên cứu tại Hoa Kỳ, Đài Loan và Trung Hoa đều được Ủy Ban Nghiên Cứu Khoa học Xã hội và Nhân văn Canada bảo trợ tài chánh.